

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN
Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận
MST: 3600802882

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III - NĂM 2017

(Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017)

Gồm các biểu:

- | | |
|--|-----------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán | (Mẫu số Q-01D) |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | (Mẫu số Q-03D) |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | (Mẫu số Q-03D) |
| 4. Thuyết minh BCTC | (Mẫu số B0-DN) |

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN
 ĐỊA CHỈ : KHU PHỐ 11 PHƯỜNG BÌNH TÂN TX LA GI TỈNH BÌNH THUẬN
 Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số Cuối năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		862 406 152 566	920 198 024 382
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41 677 322 088	1 094 182 537
1. Tiền	111	V.01	41 677 322 088	1 094 182 537
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*) (2)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
3A. Tiền gửi có kỳ hạn	123A			
3B. Đầu tư ngắn hạn khác	123B			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		803 811 629 278	884 969 903 609
1. Phải thu của khách hàng	131		176 110 760 515	337 394 243 401
2. Trả trước cho người bán	132		373 945 395 172	347 053 397 939
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	91 885 000 000	91 885 000 000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	162 847 243 287	109 459 791 931
- Các khoản phải thu khác từ cổ phần hóa	136A	V.03		
- Các khoản phải thu từ cán bộ công nhân	136B		162 847 243 287	109 459 791 931
- Các khoản phải thu khác	136D			
- Các khoản phải thu khác từ ký quỹ, ký cược	136C			
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		- 976 769 696	- 822 529 662
8. Tài sản thiế chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2 933 435 166	18 439 207 724
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2 933 435 166	18 439 207 724
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13 983 766 034	15 694 730 512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13 983 766 034	15 694 730 512
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+230+240+250+260)	200		306 215 144 648	325 421 877 070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16 146 000 000	16 146 000 000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214	V.06		
5. Phải thu cho vay dài hạn	215	V.06	16 000 000 000	16 000 000 000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	146 000 000	146 000 000
9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		114 081 548 705	113 588 281 127
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	8 729 348 705	8 236 081 127
- Nguyên giá	222		16 458 286 843	16 458 286 843
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		- 7 728 938 138	- 8 222 205 716
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số Cuối năm
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	105 352 200 000	105 352 200 000
- Nguyên giá	228		105 352 200 000	105 352 200 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		169 987 595 943	195 687 595 943
1. CP sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. CP xây dựng cơ bản dở dang	242		169 987 595 943	195 687 595 943
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
(*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13		
6. Đầu tư tài chính dài hạn khác	256	V.13		
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263			
- Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263A	V.21		
- Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263B			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+230)	270		1 162 621 297 214	1 245 619 901 452
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		177 930 396 583	250 471 981 159
I. Nợ ngắn hạn	310		143 891 763 223	250 471 981 159
1. Phải trả người bán	311		123 905 757 871	231 868 753 018
2. Người mua trả tiền trước	312		10 046 052 359	14 517 917 214
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	9 699 393 341	12 783 251 275
4. Phải trả người lao động	314		180 000 000	164 000 000
5. Chi phí phải trả	315	V.17		
6. Phải trả nội bộ	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18		
10. Vay và nợ thuê TC ngắn hạn	320			- 8 922 500 000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		60 559 652	60 559 652
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		34 038 633 360	
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn khác	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	34 038 633 360	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21		
10. Cổ phiếu trù đặc	340	V.21		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
12. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		984 690 900 631	995 147 920 293

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số Cuối năm
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	984 690 900 631	995 147 920 293
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		934 273 600 000	934 273 600 000
A. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		934 273 600 000	934 273 600 000
B. Cổ phiếu ưu đãi	411B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		849 189 834	849 189 834
9. Quỹ dự hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		283 063 278	283 063 278
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		44 492 518 783	54 949 538 445
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4,792,528,736	4,792,528,736
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		1 162 621 297 214	1 245 619 901 452

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Tuyết

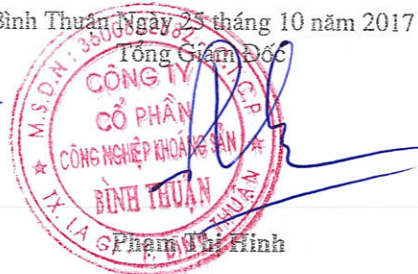
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Kiên Cường

Bình Thuận, Ngày 25 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám Đốc



Phạm Thị Hình

CÔNG TY CP CỤNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN
Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi, T. Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Năm 2017
kết thúc ngày 30/09/2017

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày
ngày 22/12/2014 của BTC)

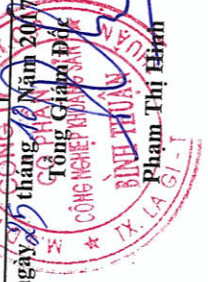
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2017

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý III Năm 2017	Quý III Năm 2016	Lũy Kế Năm 2017	Lũy Kế Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	120.444.202.000	23.029.300.000	258.025.223.680	182.281.270.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
Chiết khấu thương mại		VI.25				
Giảm giá hàng bán		VI.25				
Hàng bán bị trả lại		VI.25				
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XK phải nộp		VI.25				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.444.202.000	23.029.300.000	258.025.223.680	182.281.270.395
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	110.436.152.602	22.537.600.000	245.807.744.027	178.455.826.945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.008.049.398	491.700.000	12.217.479.653	3.825.443.450
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.525.622.893	1.997.106.546	3.051.243.325	2.023.683.117
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		392.661.100	591.550.298	1.323.602.890	1.533.809.776
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.141.011.191	1.897.256.248	13.945.120.088	4.315.316.791
11. Thu nhập khác	31				20	
12. Chi phí khác	32		0	0	155.740.667	
13. Lợi nhuận khác	40		0	0	-155.740.647	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.141.011.191	1.897.256.248	13.789.379.441	4.315.316.791
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	2.228.202.238	379.451.250	2.757.875.888	863.063.358
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.912.808.953	1.517.804.998	11.031.503.553	3.452.253.433
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Bình Thuận, ngày 25 tháng 09 năm 2017

Kế toán trưởng

Trần Kiên Cường



Người lập
Nguyễn Thị Tuyết

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa Chỉ: Khu phố 11, P. Bình Tân, Thị xã LaGi, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆTừ ngày: 01/01/2017 đến ngày: 30/09/2017
(theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	101 907 941 889	73 444 379 284
1A. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01A	111 753 994 228	73 444 379 284
1B. Trả lại tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01B	- 9 846 052 339	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	- 154 330 823 350	- 119 974 442 809
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	- 712 000 000	- 616 000 000
3A. Tiền chi trả cho người lao động	03A	- 712 000 000	- 616 000 000
3B. Tiền thu từ người lao động	03B		
4 Tiền chi trả lãi	4		
4A Tiền chi trả lãi	04A		
4B. Thu lại tiền trả lãi	04B		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		
6. Tiền thu khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	6	95 630 695 673	254 019 274 387
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7	- 40 041 746 641	- 406 904 431 900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20	2 454 067 571	- 200 031 221 038
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	- 1 300 000 000	- 6 400 000 000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	- 1 300 000 000	- 6 400 000 000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11 284 000 000	53 739 703 044
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- 53 021 207 122	- 1 476 500 000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	- 41 737 207 122	52 263 203 044
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	- 40 583 139 551	- 154 168 017 994
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41 677 322 088	155 373 562 467
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1 094 182 537	1 205 544 473

Bình Thuận, ngày 25 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)


Nguyễn Thị Tuyết

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Kiên Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Quý III/2017**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Kinh doanh kim loại và các loại quặng kim loại, thiết bị máy móc.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
1	Công ty TNHH năng lượng xanh KSA	Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận	87,93%
2	Công ty TNHH MTV công nghiệp khoáng sản Bình Thuận BTC	Thôn Bàu Diên (Cụm Công nghiệp Thăng Hải), Xã Thăng Hải, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	100%
3	Công ty TNHH MTV chế biến Zircon Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm Công nghiệp Thăng Hải), Xã Thăng Hải, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	100%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty Cổ phần công nghiệp khoáng sản Bình Thuận (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con sẽ được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	147.280.968	1.558.005.200
Tiền gửi ngân hàng	119.291.854	40.119.316.888
Cộng	<u>266.572.822</u>	<u>41.677.322.088</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần khoáng sản và VLXD Gia Lai	40.145.599.045	69.845.599.045
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	0	1.718.082.806
Công ty cổ phần khoáng sản luyện kim màu	135.107.200	3.171.907.200
Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình	3.584	6.866.823.584
DNTN Nguyễn Thành Giang	25.332.230.000	25.332.230.000
Công ty TNHH Tư vấn – Thiết kế - Xây dựng Phú Hòa	920.582	33.627.920.582
Công ty TNHH thép Việt Long	34.925.957.536	34.925.957.536
Công ty TNHH MTV chế biến cát Bình Thuận	341.550.000	341.550.000
Công Ty Hữu Hạn bảo Tường Quảng Tây	115.676.521.680	0
Công ty TNHH Công Bình	118.940.972.000	
Các khách hàng khác	1.930.368.554	280.689.762
Cộng	<u>337.394.243.401</u>	<u>176.110.760.515</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngôi nhà đầu tiên	69.700.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	45.105.786.000	46.092.192.727
Công ty TNHH Hạnh Vân	60.980.000.000	70.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	142.080.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH NLGS Xây dựng Thiên Lợi	15.000.000.000	15.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	14.187.611.939	12.853.202.445
Cộng	<u>347.053.397.939</u>	<u>373.945.395.172</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Bà Nguyễn Thị Mai	9.285.000.000	9.285.000.000
Cho Ông Nguyễn Lê Thành Trí	40.000.000.000	40.000.000.000
Các Đối tượng khác	42.600.000.000	42.600.000.000
Cộng	<u>91.885.000.000</u>	<u>91.885.000.000</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Bà Phạm Thị Hằng - Phải thu về tạm ứng	18.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Ông Phạm Xuân Ái - Phải thu về tạm ứng	70.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Ông Trần Anh Tú - Phải thu về tạm ứng	15.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Tiền lãi cho vay	3.787.594.613	-	3.787.594.613	-
Ký cược, ký quỹ	0	-	19.220.000	-
Tạm ứng các đối tượng khác	0	-	30.000.000.000	-
Phải thu khác	<u>2.672.197.318</u>	-	<u>1.840.428.674</u>	-
Cộng	<u>109.459.791.931</u>		<u>162.847.243.287</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	900.000.000	-	900.000.000	-
Hàng hóa	17.539.207.724	-	2.033.435.166	-
Cộng	18.439.207.724	-	2.933.435.166	-

7. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>16.000.000.000</i>
Cho Ông Phan Châu vay với lãi suất 10%/năm	16.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000

8. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	146.000.000	146.000.000
Cộng	146.000.000	146.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.969.338.946	1.987.526.882	6.029.666.723	412.863.242	58.891.050	16.458.286.843
Số cuối năm	<u>7.969.338.946</u>	<u>1.987.526.882</u>	<u>6.029.666.723</u>	<u>412.863.242</u>	<u>58.891.050</u>	<u>16.458.286.843</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.299.685.949	1.842.377.567	1.198.756.594	329.226.978	58.891.050	7.728.938.138
Tăng do trích khấu hao	324.950.683	122.441.368	53.105.117	52.060.750		584.133.432
Số cuối năm	<u>4.624.636.632</u>	<u>1.873.953.081</u>	<u>1.251.861.711</u>	<u>381.287.728</u>	<u>58.891.050</u>	<u>8.222.205.716</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.669.652.997	145.149.315	4.830.910.129	83.636.264	-	8.729.348.705
Số cuối năm	<u>3.344.702.314</u>	<u>22.707.947</u>	<u>4.777.805.012</u>	<u>31.575.514</u>	<u>-</u>	<u>8.236.081.127</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là giá trị quyền sử dụng đất thừa số 371 tờ bản đồ số 90 có diện tích 105,930 m² tại Xã Hải Thắng, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	3.417.265.200	3.417.265.200
Công ty cổ phần chứng khoán VSM	0	48.000.000
Công ty cổ phần khoáng sản luyện kim màu	3.375.593.861	82.536.193.861
Công ty TNHH Thép Việt Nga	34.821.503.483	34.821.503.483
Công ty hữu hạn Hoa Điện	115.445.888.000	
Các nhà cung cấp khác	74.808.502.474	3.082.795.327
Cộng	<u>231.868.753.018</u>	<u>123.905.757.871</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	-	-
	4.517.917.194	-
	<i>10.046.052.359</i>	<i>10.046.052.359</i>
Công ty TNHH Hoàng Thiên	0	46.052.339
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ	10.000.000.000	10.000.000.000
Các đối tượng khác	0	20
Cộng	<u>14.517.917.214</u>	<u>10.046.052.359</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.596.013.200	-	3.083.857.934		11.679.871.134	-
Thuế thu nhập cá nhân	963.856.382	-			963.856.382	-
Các loại thuế khác	139.523.759	-			139.523.759	-
Cộng	9.699.393.341	-			12.783.251.275	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn cá nhân	32.661.000.000			32.661.000.000
Vay dài hạn tổ chức	1.377.633.360			1.377.633.360
Cộng	34.038.633.360			34.038.633.360

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	411.780.623.720	849.189.834	283.063.278	32.711.233.459	4.227.719.149	411.780.623.720
Tăng vốn bằng tiền	560.564.160.000	-	-	-	-	560.564.160.000
Lợi nhuận trong năm trước	6.112.108.441	-	-	5.712.481.598	399.626.843	6.112.108.441
Số dư cuối năm trước	978.456.892.161	849.189.834	283.063.278	38.423.715.057	4.627.345.992	978.456.892.161
Số dư đầu năm nay	984.690.900.631	849.189.834	283.063.278	44.492.518.783	4.792.528.736	984.690.900.631
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	2.539.229.562	-	-	2.539.229.562	-	2.539.229.562
Số dư cuối năm nay	984.230.130.193	849.189.834	283.063.278	47.031.748.345	4.792.528.736	984.230.130.193

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Tổng doanh thu*

	<u>Quý III/2017</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	120.444.202.000	23.029.300.000
Cộng	<u>120.444.202.000</u>	<u>23.029.300.000</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2017</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	110.436.152.602	22.537.600.000
Cộng	<u>101.608.144.500</u>	<u>22.537.600.000</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2017</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.525.622.893	1.997.106.546
Cộng	<u>1.525.622.893</u>	<u>1.997.106.546</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý III/2017</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	<u>392.661.100</u>	<u>591.550.298</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý III/2017</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.141.011.191	1.897.256.248
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.228.202.238</u>	<u>379.451.250</u>

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý III/2017</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.912.808.953	1.517.804.998
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.912.808.953	1.517.804.998
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	93.427.360	93.427.360
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>95,3</u>	<u>16,42</u>

Lập ngày 5 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hinh